

Tư tưởng Hồ Chí Minh về lập hiến và xây dựng Quốc hội của dân, do dân và vì dân

■ TS. HÀ QUANG TRƯỜNG (*)

Xây dựng nền lập hiến và Quốc hội của dân, do dân, vì dân là một đóng góp xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận cách mạng Việt Nam. Những tư tưởng này của Người đã và đang được vận dụng một cách sáng tạo vào hoạt động tổ chức Quốc hội, hoạt động bầu cử, xây dựng Hiến pháp, xây dựng chính quyền và phát triển đất nước.

1. Khái quát quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về lập hiến và xây dựng Quốc hội của dân, do dân và vì dân

Ngay từ nhỏ, Nguyễn Sinh Cung đã thấm nhuần tinh thần yêu nước từ các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp, cách xử thế khí khái của các nhà Nho yêu nước, được học và bước đầu tiếp xúc với nền văn minh phương Tây, tham gia và chứng kiến cảnh biểu tình chống sưu cao thuế nặng của nông dân miền Trung bị đàn áp dã man; chứng kiến những thất bại của các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Tất cả đã hình thành trong Người những dấu mốc tư duy về pháp quyền; nỗi băn khoăn về quyền sống, quyền tự do, bình đẳng của con người và của dân tộc. Trong khoảng thời gian từ năm 1911 đến 1941, trên hành trình tìm đường cứu nước, Người xác định phải tìm cho được câu trả lời về vấn đề quyền dân tộc, pháp quyền dân tộc gắn với quyền dân tộc, quyền của người dân.

Ngay từ những năm 1911-1912 Người đã tiếp cận được với cách mạng Mỹ, Tuyên ngôn 1776 và Hiến pháp 1787 của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, do đó có điều kiện so sánh về

tính chất của cách mạng Mỹ và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam - đó là cuộc cách mạng giải phóng khỏi chế độ thuộc địa, tuy nhiên động lực của hai cuộc cách mạng là khác nhau. Người đã tiếp thu tinh thần của cách mạng Mỹ, đạo lý và pháp lý trong Bản tuyên ngôn 1776, Hiến pháp 1787 và các vấn đề về quyền con người.

Năm 1913, Nguyễn Ái Quốc rời Mỹ sang Anh - một nhà nước quân chủ. Người rất quan tâm đến tình hình đoàn kết dân tộc bởi lịch sử hình thành nước Anh đã chứng minh được nguyện vọng và ý chí chung của các tộc người Celtes, Wales, người Scotland trên một đảo lớn để liên hệ với một Việt Nam lúc này vẫn còn triều đình phong kiến và là một dân tộc có tinh thần đoàn kết trải qua nhiều thế kỷ. Chế độ quân chủ lập hiến cùng với thiết chế chính trị ở nước Anh mang đến cho Người những tri thức về cách mạng dân quyền, chế độ nghị viện, về pháp quyền lập hiến và cả những hướng suy nghĩ mới về tổ chức chế độ chính trị ở Việt Nam khi đã được giải phóng.

Năm 1917, Nguyễn Ái Quốc sang Pháp - quê hương đại cách mạng dân quyền châu Âu. Tại đây, Người đã tiếp xúc trực tiếp với tác phẩm của các nhà tư tưởng khai sáng - những lý luận gia của đại cách mạng Pháp 1789 như *Tinh thần pháp luật* của Môngtétxkiơ, *Khế ước xã hội* của Rutsxô... Lúc này, vấn đề về pháp quyền của dân và cơ quan để thực hiện nó đã dần trở nên rõ ràng trong ý thức của nhà cách mạng trẻ tuổi. Trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*^(*), nhân danh những người An Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc đã nhấn mạnh yêu cầu về công lý, sự bình đẳng về mặt pháp luật đối với người bản xứ. Tính pháp

(*) *Tạp chí Tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ*

lý của bản yêu sách được nêu rất cao ở hai Điều 7 và 8.

Điều 7: "Thay thế chế độ ra sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật". Nghĩa là không để cho việc cai trị Đông Dương thuộc toàn quyền Bộ thuộc địa và của viên Toàn quyền Đông Dương, mà phải do Nghị viện (Quốc hội) Pháp định đoạt bằng luật pháp.

Điều 8: "Đặt đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ".

Đây là một sáng tạo pháp lý có tính chất hiến pháp⁽²⁾, thể hiện rõ nét ý thức của Nguyễn Ái Quốc về tính pháp lý và vai trò của một Nghị viện – Quốc hội do dân và vì dân.

Cuối năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đặt chân đến nước Nga và không có cơ hội gặp Lenin⁽³⁾. Người chỉ còn cách là đọc kỹ thêm các tác phẩm của Lenin, đặc biệt là ba tác phẩm: *Bản tuyên ngôn các quyền của nhân dân lao động và bị bóc lột; Hiến pháp Cộng hòa liên bang Xô viết Nga 1918; Hiến pháp liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết 1924*. Tới lúc này, tư tưởng về xây dựng một thể chế quyền lực đại diện bảo vệ pháp quyền của dân ở Nguyễn Ái Quốc đã rõ ràng hơn bao giờ hết. Người đã được chứng kiến việc thực thi, phát huy tác dụng tốt đẹp trong đời sống xã hội, trong đời sống của từng con người của bản tuyên ngôn cùng các bản hiến pháp Cộng hòa liên bang Xô viết Nga 1918, Hiến pháp liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết 1924 và vai trò của *Xô viết tối cao* - cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân.

Cuối năm 1924, Người có mặt tại Quảng Châu (Trung Quốc). Tại thời điểm đó, Hồ Chí Minh đã có điều kiện tìm hiểu công cuộc xây dựng nhà nước và pháp quyền của Tôn Trung Sơn theo chủ nghĩa Tam dân. Người đã tham khảo Hiến pháp Tam dân chủ nghĩa - một mẫu hình cần tham khảo cho các phong trào cách mạng ở các nước có một nền văn hóa truyền thống và tình hình chính trị - xã hội tương tự Trung Hoa đầu thế kỷ XX. Tư tưởng "Tam dân" và Hiến pháp Tam dân của Tôn Trung Sơn đã ảnh hưởng khá sâu đậm đến

suy nghĩ và hành động cách mạng của Hồ Chí Minh sau này.

Có thể thấy, sau chặng đường dài bôn ba ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã ý thức đầy đủ vấn đề về quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; quyền này được đảm bảo và thừa nhận bằng văn bản luật có tính chất cao nhất là Hiến pháp do một thể chế là Nghị viện – Quốc hội đảm bảo quyền đó ban hành.

2. Quá trình hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về lập hiến và xây dựng Quốc hội của dân, do dân và vì dân

Với tầm nhìn xa trông rộng, mùa xuân năm 1941, Hồ Chí Minh trở về nước chuẩn bị mọi mặt cho việc tổ chức một cuộc cách mạng, tổng khởi nghĩa, đập tan bộ máy nhà nước cũ, tức là nhà nước thực dân - phong kiến, để thiết lập nên một nhà nước mới - nhà nước cộng hòa dân chủ. Khi thời cơ cách mạng xuất hiện, Hồ Chí Minh đã triệu tập Quốc dân Đại hội ở Tân Trào vào ngày 16 và 17/8/1945 để tiến hành nhiều công việc như thông qua chính sách Việt Minh, chuẩn bị một số công việc cho khởi nghĩa, đặc biệt là cử "Ủy ban giải phóng" đóng vai trò như là Chính phủ lâm thời. Quốc dân Đại hội Tân Trào chính là tiền thân của Quốc hội sau này, tiêu biểu cho ý chí và sức mạnh của toàn dân, thể hiện tính dân chủ thực sự làm cơ sở cho việc hình thành một nhà nước chính thức.

Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ cách mạng lâm thời ngày 3/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ sớm xây dựng Hiến pháp. Người chỉ rõ: "Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một bản hiến pháp dân chủ"⁽⁴⁾. Đồng thời, phải "tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu để bầu ra Quốc hội. Quốc hội đó là cơ quan có quyền lực tối cao của nhân dân sẽ cử ra một Chính phủ thật sự của toàn dân và ấn định cho nước Việt Nam một hiến pháp dân chủ"⁽⁵⁾.

Với niềm tin vào nhân dân nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân, cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 là hình mẫu cho một nền dân chủ rất non trẻ, nhưng lại được phát huy tối đa bởi sức mạnh của tinh thần yêu nước của nhân dân, sự thành tâm đoàn kết của những người lãnh đạo và vai trò cá nhân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuộc bầu cử đã đạt được những tiêu chí của nền dân chủ tiến bộ đương thời như: phổ thông đầu phiếu, bình đẳng về thân phận, bình đẳng giới, chính kiến, sắc tộc, tôn giáo, chấp nhận đa nguyên bao gồm các đảng phái trong Mặt trận Việt Minh. Không những thế, còn tự tin nhượng bộ một số yêu sách tham gia Quốc hội và Chính phủ của các đảng phái đối nghịch nhằm đạt tới sự mở rộng tối đa khối đại đoàn kết dân tộc và tin rằng chính sức mạnh của đại đoàn kết sẽ gạt bỏ thế lực phản bội lợi ích dân tộc. Cuộc Tổng tuyển cử là sự tiếp nối một cách tự nhiên của Quốc dân Đại hội Tân Trào, là công việc vừa có giá trị pháp lý, thiết lập một cách chính thức quyền lực tối cao của nhân dân trong hệ thống quyền lực của một nhà nước, phản ánh bản chất của chế độ chính trị mới, tạo thế đứng vững chắc trên cơ sở giá trị chuẩn của pháp lý quốc tế. Kể từ thời điểm đó, tư tưởng trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã định hình nên chế độ bầu cử ở nước ta; đó là chế độ bầu cử dân chủ, không áp đặt, nhân dân tự nguyện thể hiện ý chí của mình tìm ra được người xứng đáng làm đại diện, thay mặt mình quản lý, điều hành đất nước.

Ngày 9/11/1946, Quốc hội khoá I nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thông qua Hiến pháp 1946. Bản Hiến pháp đầu tiên của nhà nước Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban dự thảo đã ghi nhận một loạt quyền cơ bản của công dân Việt Nam như quyền bình đẳng về mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hoá,... quyền công dân được tham gia vào các công việc chính quyền kiến thiết quốc gia tùy theo tài năng và đức hạnh của mình; về vấn đề xây dựng bộ máy nhà nước nói chung và Quốc hội nói riêng. Với bản Hiến pháp này, lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, những người dân nô lệ thực sự trở thành người chủ đất nước, được đảm bảo các quyền tự do dân chủ.

Bầu ra được Quốc hội nhưng để Quốc hội đó vì nhân dân, "Quốc hội phải có những đại biểu thật xứng đáng, những đại biểu một lòng một dạ phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân và phục vụ chủ nghĩa xã hội, lựa chọn những đại biểu như vậy là quyền lợi và nghĩa vụ của người cử tri..."⁽⁶⁾. Trong cuộc gặp gỡ với cử tri tại khu học xá (nay là Trường Đại học Bách khoa Hà Nội) chiều ngày 05/01/1946 trước đông đảo quần chúng, hướng về cử tri, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: "Những ai muốn làm quan cách mạng thì nhất định không nên bầu. Ngày mai không ai ép, không ai mua, toàn dân sẽ thực hiện cái quyền dân chủ ấy"⁽⁷⁾.

Tuy nhiên, Người lo rằng lúc đó: "Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân"⁽⁸⁾.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đại biểu dân cử do nhân dân bầu ra, là "đầy tớ", là "công bộc" của dân, có bốn phận phục vụ nhân dân, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của dân giao, chịu sự kiểm soát của dân và sẽ bị tước quyền nếu đi ngược lại lợi ích của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Tất cả đại biểu Quốc hội hứa với cử tri là được cử vào Quốc hội để làm đại biểu Quốc hội chứ không phải là để làm quan, không phải là để ăn trên ngồi trốc, mà làm người đầy tớ tuyệt đối trung thành của đồng bào"⁽⁹⁾.

Tinh thần tận tụy phục vụ nhân dân chỉ có được khi đại biểu dân cử sáng suốt, nhìn xa trông rộng và gắn gũi với nhân dân. Mỗi đại biểu dân cử phải tự đặt mình vào địa vị của người dân mà mình đại diện để hiểu, suy xét, chia sẻ tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất, mong muốn của họ. Có lắng nghe, thấu hiểu nguyện vọng chính đáng của dân thì đại biểu dân cử mới thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ "Cái gì có lợi cho dân thì ta phải hết sức làm, cái gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh. Ta có yêu dân kính dân thì dân mới yêu ta kính ta". Hay từ trước đến nay cái gì cũng "dội từ trên xuống" nhưng từ nay mọi cái phải "nhoi từ dưới lên"⁽¹⁰⁾. Với đại biểu dân cử, gắn dân, lắng nghe tâm tư nguyện vọng của dân là một chuẩn mực không thể thiếu.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Các đại biểu trong Quốc hội này không phải đại diện cho một đảng phái nào mà là đại biểu cho toàn thể quốc dân Việt Nam. Đó là một sự đoàn kết tỏ ra rằng lực lượng của toàn dân Việt Nam đã kết lại thành một khối...”⁽¹¹⁾. Với tư cách và địa vị pháp lý có được, người đại biểu có nghĩa vụ và quyền lợi do pháp luật quy định, phải thật sự là trung tâm đoàn kết nhất trí của các tổ chức và người dân.

Từ rất sớm, Người đã ý thức việc xác lập được một cơ cấu đại biểu đủ uy tín, trí tuệ trong và ngoài Đảng và của các tầng lớp trong xã hội sẽ tạo tính đồng thuận xã hội và trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự nghiệp giải phóng dân tộc tại thời điểm đó. Trong Thư gửi đồng bào toàn quốc tháng 10/1944, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra: “phải có một cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân ta. Mà cơ cấu ấy thì phải do một cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang”⁽¹²⁾. Trong bối cảnh hiện nay tư tưởng của Người về một Quốc hội tạo ra tính đồng thuận xã hội đang trở thành mục tiêu và động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự nghiệp phát triển đất nước “Quốc hội đoàn kết nhất trí, toàn dân đoàn kết nhất trí thì khó khăn nào chúng ta cũng khắc phục được và thắng lợi nhất định về tay ta”⁽¹³⁾.

Như vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nền tảng lập hiến vì con người là cơ sở đảm bảo cho các quyền công dân về lĩnh vực chính trị, từ đó họ được đảm bảo quyền lựa chọn người đại biểu của mình, hay nói cách khác là tự do ủy quyền cho những người mình tin cậy trực tiếp tham gia vào Quốc hội. Quốc hội cũng là thiết chế cao nhất bảo đảm quyền dân chủ của người dân, nhưng cũng là thiết chế chính trị dễ bị tổn thương nhất khi quyền dân chủ của người dân không được thực thi trọn vẹn.

Vận dụng và tiếp nối tư tưởng của Người, một nền lập hiến dân chủ và một Quốc hội của dân, do dân, vì dân đã được thể hiện qua hoạt động của Quốc hội trải qua 13 khóa và

sẽ còn tiếp tục trong các khóa tới. Sự vận dụng, tiếp nối đó được khẳng định qua những bản Hiến pháp và pháp luật bảo đảm cho hoạt động của một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Chế độ bầu cử ở Việt Nam được xây dựng trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ đã trở thành một chế định pháp luật bao gồm những quy định trong văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất (Hiến pháp) và các văn bản pháp luật khác quy định về bầu cử. Hoạt động bầu cử, hoạt động của Quốc hội trong thời kỳ đổi mới đất nước, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế tiếp tục được đổi mới, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân được tốt hơn, hiệu quả hơn; Nhà nước vận hành các cơ chế bảo đảm quyền lực của nhân dân cụ thể và thực chất hơn... qua đó phát huy đầy đủ quyền con người, quyền công dân □

Ghi chú:

(1) *Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 1, Nxb CTQG, H.2000, tr.438.*

(2) Nếu chấp nhận thực thi, nước Pháp đã phần nào thực hiện được sứ mệnh khai hóa văn minh cho các nước thuộc địa như họ đã từng tuyên bố.

(3) Ngày 21/01/1924 Lenin trút hơi thở cuối cùng.

(4), (5) *Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 4, Nxb. CTQG, H.1995, tr.8; tr.133.*

(6) *Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 10, Nxb CTQG, H.1995, tr.130.*

(7), (11) *Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 4, Nxb CTQG, H.2000, tr.147; tr.190.*

(8) “*Tìm người tài đức*”, Báo Cứu quốc, số 411, ngày 20/11/1946.

(9) *Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 10, Nxb CTQG, H.2000, tr.177.*

(10) *Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 5, Nxb CTQG, H.2000, tr.535.*

(12) *Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 3, Nxb CTQG, H.2000, tr.505.*

(13) *Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 8, Nxb CTQG, H.2000, tr.289.*